TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM MỸ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53 /2022/HNGĐ - ST
Ngày: 28/7/2022
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Hoài Bảo

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Đức Dũng.

2. Bà Lại Thị Thúy Hằng.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đoàn Thị Bích, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ.

- *Đại diện Viện kiểm sát huyện Cẩm Mỹ tham gia phiên tòa*: Ông Trần Văn Sơn, Kiểm sát viên.

Ngày 28/7/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 99/2022/TLST- HNGĐ ngày 10/3/2022 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/6/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 60/2022/QĐST-HNGĐ ngày 11/7/2022 giữa các đương sự :

- *Nguyên đơn*: Bà H T N, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Đội 5, xã P, huyện M, Thành phố Hà Nội.

- *Bị đơn:* Ông T V H, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Tổ 6, ấp 10, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

(Bà H T N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông T V H vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 22/02/2022, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn bà H T N trình bày:

Năm 2017 bà và ông T V H chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện M, Thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn đời sống vợ chồng hòa thuận, đến khoảng giữa năm 2018 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, ôngH không quan tâm chăm sóc vợ con, không hỗ trợ bà trong công việc gia đình và kinh tế. Bà đã nhiều lần khuyên bảo nhưng ôngH vẫn không thay đổi. Bà với ôngH đã ly thân từ khoảng năm 2018 cho đến nay. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ôngH.

Về con chung: Bà với ông H có 01 con chung là cháu T Q T, sinh ngày 12/06/2017. Nếu ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ôngH cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: BàN trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông T V H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc nên không có lời khai.

Theo biên bản lấy lời khai của người làm chứng ông Hoàng Văn Sơn trình bày:

Ông là bố ruột của bàN. BàN và ôngH kết hôn năm 2017, khi kết hôn có tổ chức đám cưới truyền thống tại nhà gái. Sau khi kết hôn ôngH, bàN sống với gia đình ông được một năm. Quá trình chung sống ôngH, bàN có xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân ôngH không chăm lo cho gia đình, ông đã khuyên bảo nhiều lần nhưng ôngH không thay đổi, đến năm 2018 ôngH về huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai sống với gia đình ôngH, từ đó ôngH không về thăm vợ con nữa.

Theo biên bản lấy lời khai của người làm chứng ông Trần Văn Huy trình bày:

Ông là anh ruột của ông T V H. BàN và ôngH kết hôn và chung sống với nhau, khi kết hôn có tổ chức cưới hỏi phía bên gia đình bàN. Sau khi kết hôn thì ôngH về chung sống với bàN tại Thành phố Hà Nội. ÔngH sống với bàN được khoảng 01, 02 năm thì ôngH về Cẩm Mỹ sống với gia đình ông từ đó cho đến nay. Ông không biết rõ mâu thuẫn vợ chồng giữa ôngH, bàN, nhưng có lẽ do ôngH sinh sống và làm việc ở Cẩm Mỹ còn bàN thì sinh sống ở Hà Nội dẫn đến việc vợ chồng không thường xuyên gặp mặt nên phát sinh mâu thuẫn.

Các tài liệu, chứng cứ của vụ án:

Chứng minh nhân dân dân, sổ hộ khẩu (bản sao); giấy khai sinh của con chung (bản sao); giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); các bản tự khai; biên bản lấy lời khai của đương sự, biên bản xác minh của Tòa án và các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho

đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đã thực hiện đúng. Việc thu thập chứng cứ của Tòa án đầy đủ. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo tố tụng, bị đơn không chấp hành và thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo tố tụng.

Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Về quan hệ hôn nhân: Có căn cứ chấp nhập yêu cầu ly hôn của bàN.

Về con chung: giao cháu T Q T, sinh ngày 12/06/2017 cho bàN trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời ôngH không phải cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

Về án phí sơ thẩm: Theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà H T N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn ông T V H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b, khoản 2, Điều 227 và khoản 1, khoản 3, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà H T N và ông T V H tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2017 đúng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên xác định là hôn nhân hợp pháp. BàN xác định thời gian đầu cuộc sống gia đình hạnh phúc. Tuy nhiên đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn thường xuyên cải vã nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, ôngH không chăm lo cho gia đình. BàN và ôngH không sống chung từ khoảng năm 2018 cho đến nay.

Theo lời khai của ông Hoàng Văn Sơn và ông Trần Văn Huy cho thấy, khi sống chung ôngH, bàN có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Ngoài ra, ôngH đã được triệu tập hợp lệ để làm việc, hòa giải, xét xử nhưng đều vắng mặt không có lý do, không có lời trình bày, chứng tỏ ôngH không muốn hòa giải để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ. Từ đó xác định tình trạng hôn nhân giữa bàN, ôngH đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử có căn cứ để chấp nhập yêu cầu ly hôn của bàN.

[3] Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con: Bà H T N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T Q T, sinh ngày 12/06/2017 và không yêu cầu ôngH cấp dưỡng nuôi con, bà cũng xác định đủ điều kiện nuôi con mà không cần ôngH cấp dưỡng nuôi con, đây là yêu cầu tự nguyện của bà, ôngH đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng ôngH không đến Tòa án để làm việc nên không có lời khai về vấn đề này, do đó có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của bàN.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: BàN trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, ôngH không có lời khai về việc này, nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Bà H T N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; khoản 2, Điều 92; Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà H T N. Bà H T N được ly hôn ông T V H.

2. Về con chung: Giao cháu T Q T, sinh ngày 12/06/2017 cho bà H T N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Ông T V H tạm thời không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông T V H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Khi cần thiết, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà H T N phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H T N đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số 0001088 ngày 03/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ. BàN đã nộp đủ tiền án phí.

5. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND. tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Cẩm Mỹ;
- Chi cục THADS H. Cẩm Mỹ;
- Các đương sự;
- UNBD xã Phùng Xá, huyện Mỹ Đức , TP. Hà Nội (GCNKH số:66/2017).
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

ĐÃ KÝ

Nguyễn Hoài Bảo